TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Lan và ông Lê Như Toản

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trịnh Thu H, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: tổ E, khu D, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ C, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bị đơn: anh Ngô Đình Đ, sinh năm 1967; nơi đăng ký thường trú: tổ E, khu D, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ C, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thu H trình bày:*

- Về tình cảm: chị H và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 06/12/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai còn tôn trọng và có ý thức xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: anh, chị có 03 con chung là Ngô Đức P, sinh ngày: 14/10/2003, Ngô Mỹ D, sinh ngày 07/6/2007 và Ngô Đức L, sinh ngày

30/12/2016. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Đức L cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Mỹ D cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Ngô Đức P đã thành niên, chị H không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:*

- Về tình cảm: anh Đ xác nhận về việc kết hôn như chị H trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng:

Tại bản tự khai ngày 03/11/2023, anh Đ trình bày trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn to tát gì cả, nhưng đến thời điểm đầu năm 2023 có những biến cố không đồng nhất với nhau về quan điểm sống nên chị H viết đơn xin ly hôn, nay anh Đ không nhất trí ly hôn.

Tại biên bản hoà giải ngày 26/12/2023, anh Đ trình bày: anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, cách sống không phù hợp với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung. Chính vì vậy khoảng giữa năm 2023 thì anh chị thống nhất gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung, do anh chị không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó chị H đã chủ động rút đơn, việc rút đơn của chị H không phải vì mục đích muốn vợ chồng đoàn tụ, mà vì mục đích khác liên quan đến quyền lợi riêng của chị H. Sau khi rút đơn về thì chị H vẫn tiếp tục lối sống không quan tâm đến bản thân anh Đ, không giao tiếp, tương tác về mặt tình cảm. Đến tháng 8/2023 thì chị H chủ động làm đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn anh Đ. Từ thời điểm giữa năm 2023 đến nay anh chị tuy sống chung 1 nhà nhưng không ai giao tiếp, tương tác tình cảm với ai, không quan tâm đến nhau về mọi mặt, mâu thuẫn trầm trọng không cải thiện được. Bản thân anh Đ đến nay cũng không còn tình cảm với chị H. Anh Đ nhất trí với quan điểm của chị H về việc xin ly hôn.

Tại đơn trình bày ngày 29/12/2023 anh Đ thay đổi quan điểm cho rằng cuộc sống giữa vợ chồng anh, chị chưa có mâu thuẫn to tát gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày ngày 17/01/2024, anh Đ cho rằng nội dung lời khai của anh Đ tại biên bản hoà giải ngày 26/12/2023 không phù hợp với ý chí của anh Đ, do lúc đó vợ chồng thống nhất ly hôn nên anh Đ không đọc kỹ biên bản này. Anh Đ khẳng định vợ chồng không có mâu thuẫn to tát gì, đề nghị Toà án giải quyết cho anh, chị đoàn tụ để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi mọi mặt của các con chung.

Tại phiên toà, anh Đ giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn trình bày ngày 17/01/2024 nêu trên.

- Về con chung: anh chị có 03 con chung; tên, tuổi các con chung như chị H trình bày là đúng. Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh Đ nhất trí với quan điểm của chị H về người trực tiếp nuôi con và về vấn đề cấp dưỡng nuôi con như nêu trên. Đối với con chung Ngô Đức P đã thành niên, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai con chung Ngô Đức P và Ngô Mỹ D đều có nguyện vọng muốn anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng.

* Tại biên bản xác minh ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau: chị H và anh Đ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa bàn tổ C, khu A, phường H, thành phố H được khoảng 5 năm nay. Về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được, cũng không thấy có dư luận ồn ào gì về việc anh chị có mâu thuẫn. Chị H và anh Đ đều có công việc làm và thu nhập ổn định, không có điều tiếng gì tại địa phương về lối sống, đều có trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thu H về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn thành phố H Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 06/12/2006, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ

chồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị H cho rằng cuộc sống chung giữa anh, chị không hạnh phúc do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm như chị H trình bày nêu trên. Lời khai trên phù hợp với lời khai của anh Đ tại biên bản hoà giải ngày 26/12/2023. Tuy nhiên, tại bản tự khai, các đơn đề nghị nêu trên và tại phiên toà anh Đ đều không thừa nhận thực trạng cuộc sống vợ chồng như chị H trình bày mà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh kể từ khi chị H làm đơn ly hôn và chưa đến mức trầm trọng, đồng thời khẳng định lời khai tại biên bản hoà giải ngày 26/12/2023 không phù hợp với ý chí của anh Đ vì khi đó vợ chồng thống nhất ly hôn nên anh Đ không đọc kỹ biên bản. Xét lời khai của chị H về mâu thuẫn vợ chồng không phù hợp với lời khai của của anh Đ và nội dung biên bản xác minh nêu trên, ngoài lời khai chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, không đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của chị H về tranh chấp ly, hôn nuôi con theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: chị Trịnh Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ánh phí và lệ phí Toà án.

[2] Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thu H, về việc: "tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

2**.** Về án phí**:** buộc chị Trịnh Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp, theo biên lai thu số 0000071 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3**.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- UBND ủy ban nhân dân phường H, TP H;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng